

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG TÈ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/04/2021

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG TÈ, TỈNH LAI CHÂU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Lý Thị The

2. Ông: Giang A Linh

Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Thành Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2020/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Thông báo đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/TBXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mào Thị D - Sinh ngày 07/08/1987.

- Nơi ĐKKHKT: Bản B, xã N, huyện M, tỉnh L - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lù Văn H - Sinh ngày 13/11/1987.

- Nơi ĐKKHKT: Bản B, xã N, huyện M, tỉnh L - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Mào Thị D trình bày: Chị và anh Lù Văn H tự nguyện yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 08/02/2010 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh L. Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển đăng ký hộ khẩu về bản B, xã N, huyện M, tỉnh L để sinh sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến tháng 12/2018, giữa chị và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cự cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung, mọi sinh hoạt gia đình bị đảo lộn, tình cảm vợ chồng rạn nứt, tình trạng căng thẳng ngày càng trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh H không có công ăn việc làm, thu nhập không ổn định, lại ham chơi và sử dụng chất ma túy, khi mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng và bản thân anh H đã được gia đình hai bên nội ngoại, anh em bạn bè, chính quyền địa phương khuyên bảo nhưng anh H vẫn chứng nào tật nấy, không chịu sửa

chữa lỗi lầm. Khi chị làm đơn ly hôn, anh H đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở bản C, xã L, huyện N, tỉnh L, không còn quan tâm đến vợ con. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay, chị đã gọi điện cho anh H ở đâu thì về đề bàn bạc việc ly hôn nhưng anh H không chịu về mà còn có thái độ thách thức và không nói rõ địa chỉ. Nay chị thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 người con chung, con thứ nhất tên là Lù Thị Hà P sinh ngày 06/08/2011, con thứ hai tên là Lù Đức G sinh ngày 24/03/2015, hiện đang sống cùng với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và xác nhận đủ điều kiện tự nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 01 diện tích đất ở 80m², về nguồn gốc đất là của bố mẹ chị cho mượn, chưa được tách thửa, không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 ngôi nhà xây cấp 04 có giá trị 250.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án vào ngày 21/01/2021 chị đã làm đơn xin rút yêu cầu giải quyết về tài sản giữa chị và anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có nợ số tiền là 290.000.000 đồng. trong đó: Nợ Ngân hàng chính sách huyện Mường Tè là 70.000.000 đồng; Nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Mường Tè là 200.000.000 đồng chị là người trực tiếp ký tên khách hàng vay; Nợ chị Lù Thị M (*Chị gái anh H*) ở bản Nậm H, xã N, huyện N, tỉnh L là 20.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án vào ngày 21/01/2021, chị đã làm đơn xin rút yêu cầu giải quyết về nợ chung giữa chị và anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị gửi nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung; Xin rút yêu cầu giải quyết về tài sản, nợ chung và không yêu cầu anh Hòa phải cấp dưỡng nuôi con chung như đã trình bày.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn chấp hành không đầy đủ về quyền và nghĩa vụ, về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận chị D được ly hôn anh H; Quyết định giao con chung Lù Thị Hà P sinh ngày 06/08/2011 và Lù Đức G sinh ngày 24/03/2015 cho nguyên đơn Mào Thị D trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc; Về tài sản chung, nợ trong thời kỳ hôn nhân, do nguyên đơn Mào Thị D xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, nội dung phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Mào Thị D khởi kiện xin ly hôn với anh Lù Văn H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại Bản B, xã N, huyện M, tỉnh L, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về tố tụng:* Trong đơn khởi kiện, chị D đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của vợ chồng, trước khi nộp đơn anh H đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở bản C, xã L, huyện N, tỉnh L, từ đó anh H thường xuyên thay đổi nơi cư trú, chị D và anh H vẫn liên lạc được với nhau qua điện thoại nhưng anh H không thông báo địa chỉ nơi ở cụ thể cho gia đình, vợ con biết, nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với chị D, từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử lần hai, bị đơn anh H đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt, không có yêu cầu phản tố, ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn cũng như chứng cứ do chị D cung cấp. Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh H vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Như vậy theo quy định tại Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Mào Thị D và anh Lù Văn H tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Chị D khởi kiện xin ly hôn với lý do: Trong thời kỳ hôn nhân giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cự cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung, nguyên nhân là anh H sử dụng chất ma túy, lười lao động, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, không quan tâm đến vợ và con, tình cảm vợ chồng rạn nứt, tình trạng căng thẳng ngày càng trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc. Chị và anh H đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành và cũng đã sống ly thân từ tháng 2/2019 cho đến nay, chị D xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị D xin được ly hôn là có cơ sở theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên cần chấp nhận.

[4]. *Về tình trạng hôn nhân:* Quá trình giải quyết vụ án, ngày 25/12/2020. Tòa án phối hợp với Công an xã; Hội phụ nữ xã, Trưởng bản B và ông Mào Văn C (*Là bố đẻ của nguyên đơn Mào Thị D*), tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị D và anh H tại địa phương, kết quả xác minh cho thấy: Vợ chồng chị D và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cự cãi nhau. Nguyên nhân là do anh H không có công ăn việc làm, lại ham chơi và sử dụng chất ma túy, khi mâu thuẫn xảy ra đã được các ban ngành địa phương cùng gia đình khuyên bảo nhưng anh H vẫn chứng nào tật nấy, không chịu sửa chữa lỗi lầm.

Hiện tại anh H đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở bản C, xã L, huyện N, tỉnh L, không còn quan tâm đến vợ con. Nhận thấy kết quả xác minh phù hợp với lời khai tại Tòa án và lời trình bày của chị Mào Thị D tại phiên Tòa là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định việc ly hôn.

[5]. *Về con chung*: Chị D xác nhận giữa chị và anh H có 02 người con chung, con thứ nhất tên là Lù Thị Hà P sinh ngày 06/08/2011, con thứ hai tên là Lù Đức G sinh ngày 24/03/2015, hiện đang sống cùng với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và xác nhận đủ điều kiện tự nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy các con còn nhỏ và hiện đang sống cùng với chị D, anh H tự ý bỏ gia đình ra đi, không còn quan tâm đến con nên cần thiết giao cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị Mào Thị D. Anh Lù Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản anh H thực hiện các quyền và nghĩa vụ này.

[6]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị D xác định đủ điều kiện tự nuôi con nên tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết cấp dưỡng nuôi con trong vụ kiện này.

[7]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Mào Thị D xác định đã rút 02 yêu cầu khởi kiện này, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị cam kết thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung, xét thấy: Qua trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, việc rút yêu cầu khởi kiện là quyền của người khởi kiện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 5; Điều 186; Điều 188; Điều 243 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận không xem xét giải quyết trong vụ kiện này.

[8]. *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Mào Thị D phải chịu án dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2010/ 0003875, ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh L. Chị Mào Thị D đã nộp đủ án phí phải nộp.

[9]. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 5; Điều 186; Điều 188; Điều 243 và Điều 244 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mào Thị D.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Mào Thị D được ly hôn với anh Lù Văn H.

- *Về con chung*: Giao 02 con chung là Lù Thị Hà P sinh ngày 06/8/2011 và Lù Đức G sinh ngày 24/03/2015 cho chị Mào Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ tròn 18 tuổi. Anh Lù Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản anh H thực hiện các quyền này.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Mào Thị D về việc không yêu cầu anh Lù Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung, trong quá trình nuôi dưỡng con chung, chị D gặp khó khăn về kinh tế thì có quyền yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Mào Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2010/ 0003875, ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh L. Chị Mào Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Mường Tè;
- CCTHSDA huyện Mường Tè;
- Các đương sự;
- UBND xã Bum Nưa (*Để niêm yết*);
- UBND xã Lê Lợi, H.Nậm Nhùn (*Để niêm yết*);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lò Xuân Hải